# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1065/QĐ-BTNMT | *Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2014* |

### QUYẾT ĐỊNH
### Về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31/12/2013

### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013, bao gồm:

1. Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Danh mục tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật là đối tượng hệ thống hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Điều 2.** Căn cứ kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được công bố tại Điều 1, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện việc đăng tải kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi đăng Công báo Danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị thuộc Bộ:

a) Căn cứ Danh mục văn bản tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định này khẩn trương soạn thảo, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

Trường hợp các văn bản chưa được đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ hoặc cơ quan cấp trên thì khẩn trương đề xuất đưa vào kế hoạch, chương trình xây dựng văn bản.

b) Tiến hành rà soát ngay các văn bản quy phạm pháp luật theo Hiến pháp năm 2013, xác định nội dung trái với Hiến pháp, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để phù hợp với Hiến pháp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Minh Quang**

**DANH MỤC TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LÀ ĐỐI TƯỢNG HỆ THỐNG HÓA THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2013**

*(Kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 1 | Luật | 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003 | luật đất đai năm 2003 | 01/7/2004 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bởi Luật đất đai năm 2013 |
| 2 | Luật | 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 | luật đất đai năm 2013 | 01/7/2014 | |
| 3 | Nghị định | 04/CP ngày 10/01/1997 | về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai | 10/01/1997 | Hết hiệu lực ngày 16/11/2004 bị thay thế bởi Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai |
| 4 | Quyết định | 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 | về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn | 15/8/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 21/01/2008 bởi Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn |
| 5 | Nghị định | 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 | về thi hành Luật đất đai | 16/11/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Nghị định | 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 | về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai | 16/11/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/01/2010 bị thay thế bởi Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai |
| 7 | Nghị định | 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 | về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất | 09/12/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất |
| 8 | Nghị định | 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 | về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất | 23/12/2004 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất |
| 9 | Nghị định | 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 | sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần | 27/02/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai |
| 10 | Nghị định | 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 | quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất và thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai | 01/7/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai |
| 11 | Nghị quyết | 1126/2007/NQ-UBTVQH ngày 21/6/2007 | quy định về hạng mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để sử dụng vào mục đích nông nghiệp | 01/7/2007 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Nghị định | 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 Về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất | 27/8/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất |
| 13 | Quyết định | 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn | 21/01/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 14 | Quyết định | 134/2008/QĐ-TTg ngày 02/10/2008 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai | 01/11/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 28/4/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 21/2014/QĐ-TTg ngày 13/3/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai |
| 15 | Nghị định | 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 | quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư | 01/10/2009 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai |
| 16 | Nghị định | 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 | về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | 10/12/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai |
| 17 | Nghị định | 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 | về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai | 01/01/2010 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Quyết định | 25/2011/QĐ-TTg ngày 18/4/2011 | sửa đổi, bổ sung một số Điểm của các Khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 2 Quyết định số 134/2008/ QĐ-TTg ngày 02/10/2008 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai | 15/6/2011 | Hết hiệu lực ngày 28/4/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 21/2014/QĐ-TTg ngày 13/3/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý đất đai |
| 19 | Nghị định | 126/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 | hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 49/2013/QH13 ngày 21/6/2013 của Quốc hội về kéo dài thời hạn sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối của hộ gia đình, cá nhân | 15/10/2013 | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 20 | Quyết định | 379/1998/QĐ-TCĐC ngày 17/6/1998 | ban hành Định mức đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | | Hết hiệu lực ngày 17/12/2003 bị thay thế bởi Quyết định số 14/2003/QĐ-BTNMT ngày 20/11/2003 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 21 | Quyết định | 719/1999/QĐ-ĐC ngày 30/12/1999 | về việc ban hành ký hiệu bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000 và 1:5000 | 28/02/2000 (sao 60 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 14/02/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 55/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 quy định về thành lập bản đồ địa chính |
| 22 | Quyết định | 720/1999/QĐ-ĐC ngày 30/12/1999 | ban hành Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000, 1:10000 và 1:25000 | | Hết hiệu lực ngày 05/12/2008 bị thay thế bởi Quyết định số 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 ban hành quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000 |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Thông tư liên tịch | 03/2003/TTLT-BTP-BTNMT ngày 04/7/2003 | hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký và cung cấp thông tin về thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | 02/8/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 29/7/2005 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| 24 | Thông tư liên tịch | 83/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 27/8/2003 | hướng dẫn việc phân cấp, quản lý và thanh quyết toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai | 01/01/2004 | |
| 25 | Quyết định | 14/2003/QĐ-BTNMT ngày 20/11/2003 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 17/12/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 10/4/2007 bị thay thế bởi Quyết định số 07/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật Đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 26 | Quyết định | 24/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 | ban hành Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 1/12/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/8/2006 bị bãi bỏ bởi Quyết định số 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2006 của Bộ TNMT ban hành quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 27 | Thông tư | 28/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 | về việc hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất | 01/12/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 11/9/2007 bị thay thế bởi Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 28 | Thông tư | 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 | về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính | 01/12/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 22/9/2007 bị thay thế bởi Thông tư số 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 hướng dẫn việc lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính |
| 29 | Thông tư | 30/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 | về việc hướng dẫn lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | 01/12/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 17/12/2009 bị thay thế bởi Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 02/11/2009 quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất |
| 30 | Thông tư liên tịch | 38/2004/TTLT/BTNMT-BNV ngày 31/12/2004 | hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Tổ chức phát triển quỹ đất | 21/01/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 22/02/2010 bởi Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của tổ chức phát triển quỹ đất và hết hiệu lực một phần ngày 01/5/2010 bởi Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 15/3/2010 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế và cơ chế tài chính của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất |
| 31 | Thông tư | 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 | hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai | 06/5/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 32 | Thông tư liên tịch | 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 | hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính | 13/5/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 33 | Nghị quyết liên tịch | 02/2005/NQLT-HND-BTNMT ngày 13/5/2005 | về việc phối hợp hành động bảo vệ môi trường và quản lý, sử dụng đất đai | 15/7/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 34 | Thông tư | 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 | hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | 29/7/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/01/2012 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| 35 | Quyết định | 04/2005/QĐ-BTNMT ngày 30/6/2005 | ban hành Quy trình lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | 04/10/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 36 | Thông tư | 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 | hướng dẫn các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh | 15/8/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 37 | Quyết định | 10/2005/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2005 | về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | 05/12/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/5/2010 bị thay thế bởi Thông tư số 06/2010/TT-BTNMT ngày 15/3/2010 quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 38 | Quyết định | 05/2006/TT-BTNMT ngày 22/5/2006 | hướng dẫn phương pháp tính đơn giá dự toán, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | 20/6/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 39 | Thông tư liên tịch | 03/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 | sửa đổi, bổ sung một số Quy định của thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT/BTP-BTNMT 16/6/2005 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | 15/7/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/01/2012 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất |
| 40 | Thông tư liên tịch | 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 | hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất | 02/8/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 41 | Quyết định | 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2006 | ban hành quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 15/8/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 10/12/2009 bị bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |
| 42 | Thông tư | 09/2006/TT-BTNMT ngày 25/9/2006 | hướng dẫn việc chuyển hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần | 23/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 43 | Quyết định | 16/2006/QĐ-BTNMT ngày 09/10/2006 | ban hành đơn giá lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cả nước và của vùng | 06/11/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 44 | Thông tư liên tịch | 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/02/2007 | hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai | 25/4/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 45 | Quyết định | 07/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 | về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật Đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 10/4/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 03/02/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 46 | Thông tư liên tịch | 05/2007/TTLT-BTP-BXD-BTNMT-NHNN ngày 21/5/2007 | hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp nhà ở | 22/6/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/6/2014 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25/4/2014 hướng dẫn thủ tục thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định tại Nghị định số 71/2010/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật nhà ở |
| 47 | Thông tư | 05/2007/TT-BTNMT ngày 30/5/2007 | hướng dẫn các trường hợp được ưu đãi về sử dụng đất và việc quản lý đất đai đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường, xã hội, dân số, gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em | 14/7/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 48 | Thông tư | 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 | hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai | 03/8/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 49 | Thông tư | 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 | hướng dẫn thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất | 11/9/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 50 | Thông tư | 09/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 | hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính | 22/9/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 10/12/2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hết hiệu lực một phần ngày 05/7/2011 bởi Thông tư số 16/2011/TT-BTNMT ngày 20/5/2011 quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai |
| 51 | Quyết định | 11/2007/QĐ-BTNMT ngày 02/8/2007 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 22/9/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 03/02/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | thực hiện đồng thời cho nhiều người sử dụng đất | | đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 52 | Quyết định | 12/2007/QĐ-BTNMT ngày 02/8/2007 | về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp | 22/9/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 03/02/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 53 | Quyết định | 20/2007/QĐ-BTNMT ngày 07/12/2007 | ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất | 08/01/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 54 | Quyết định | 22/2007/QĐ-BTNMT ngày 17/12/2007 | ban hành quy định về thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất | 13/01/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 55 | Quyết định | 23/2007/QĐ-BTNMT ngày 17/12/2007 | ban hành ký hiệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất | 13/01/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 56 | Thông tư liên tịch | 08/2008/TTLT-BQP-BTNMT ngày 28/01/2008 | hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006 của Chính phủ về quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ vành đai an toàn các kho | 17/5/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | đạn dược, vật liệu nổ; nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý | | |
| 57 | Thông tư liên tịch | 14/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 31/01/2008 | hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai | 06/3/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 58 | Thông tư liên tịch | 47/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 09/6/2008 | hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động kiểm kê diện tích đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất | 09/7/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 59 | Quyết định | 08/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 | ban hành quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000 | 05/12/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 14/02/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 55/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 quy định về thành lập bản đồ địa chính |
| 60 | Chỉ thị | 02/2008/CT-BTNMT ngày 04/12/2008 | về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính theo Nghị quyết số 07/2007/QH12 của Quốc hội | 04/12/2008 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 61 | Quyết định | 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 09/12/2008 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 03/02/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 10/02/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |
| 62 | Thông tư | 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 | hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính | 16/7/2009 | |
| 63 | Thông tư | 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 | quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất | 16/11/2009 | |
| 64 | Thông tư | 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 | quy định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất | 10/12/2009 | Hết hiệu lực ngày 05/7/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |
| 65 | Thông tư | 19/2009/TT-BTNMT ngày 02/11/2009 | quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | 17/12/2009 | |
| 66 | Thông tư liên tịch | 227/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 27/11/2009 | hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 | 11/01/2010 (sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 67 | Thông tư liên tịch | 01/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 08/01/2010 | hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính của Tổ chức phát triển quỹ đất | 22/02/2010 | |
| 68 | Thông tư liên tịch | 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 | hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 22/02/2010 | |
| 69 | Thông tư | 03/2010/TT-BTNMT ngày 01/02/2010 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng bảng giá đất | 18/3/2010 | |
| 70 | Thông tư liên tịch | 04/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 02/02/2010 | hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về công tác định giá đất | 19/3/2010 | |
| 71 | Thông tư liên tịch | 06/2010/TTLT-BTP-BTNMT ngày 01/3/2010 | sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định | 01/5/2010 | Hết hiệu lực ngày 15/01/2012 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | của Thông tư liên tịch số 05/2005/ TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | | |
| 72 | Thông tư liên tịch | 05/2010/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 15/3/2010 | hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế và cơ chế tài chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất | 01/5/2010 | |
| 73 | Thông tư | 06/2010/TT-BTNMT ngày 15/3/2010 | quy định về định mức kinh tế kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất | 01/5/2010 | |
| 74 | Thông tư | 16/2010/TT-BTNMT ngày 26/8/2010 | quy định chi tiết một số điều về xử phạt vi phạm hành chính, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai | 15/10/2010 | |
| 75 | Thông tư | 17/2010/TT-BTNMT ngày 04/10/2010 | quy định về chuẩn dữ liệu địa chính | 19/11/2010 | |
| 76 | Thông tư | 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 | quy định bổ sung về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | 10/12/2010 | Hết hiệu lực ngày 05/7/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 77 | Thông tư liên tịch | 21/2010/TTLT-BTNMT-BQP ngày 26/10/2010 | quy định việc quản lý, sử dụng đất thao trường, bãi tập phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng - an ninh cho học sinh, sinh viên | 10/12/2010 | |
| 78 | Thông tư | 28/2010/TT-BTNMT ngày 18/11/2010 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá chất lượng đất | 01/3/2011 | |
| 79 | Thông tư | 09/2011/TT-BTNMT ngày 31/3/2011 | quy định đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về đo đạc đất đai phục vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | 15/5/2011 | |
| 80 | Thông tư | 13/2011/TT-BTNMT ngày 15/4/2011 | quy định về ký hiệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất | 30/5/2011 | |
| 81 | Thông tư | 16/2011/TT-BTNMT ngày 20/5/2011 | sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai | 05/7/2011 | Hết hiệu lực ngày 05/7/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 82 | Thông tư | 21/2011/TT-BTNMT ngày 20/6/2011 | sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10000 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/ QĐ-BTNMT ngày 10/11/2008 | 06/8/2011 | Hết hiệu lực ngày 14/02/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 55/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 quy định về thành lập bản đồ địa chính |
| 83 | Thông tư | 39/2011/TT-BTNMT ngày 15/11/2011 | quy định quản lý sử dụng kinh phí đo đạc xác định diện tích đất phục vụ xử phạt vi phạm hành chính | 01/01/2012 | |
| 84 | Thông tư | 03/2012/TT-BTNMT ngày 12/4/2012 | quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi | 26/5/2012 | |
| 85 | Thông tư | 14/2012/TT-BTNMT ngày 26/11/2012 | ban hành Quy định kỹ thuật điều tra thoái hóa đất | 14/01/2013 | |
| 86 | Thông tư | 15/2012/TT-BTNMT ngày 26/11/2012 | ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra thoái hóa đất | 14/01/2013 | |
| 87 | Thông tư | 04/2013/TT-BTNMT ngày 24/4/2013 | quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai | 10/6/2013 | |
| 88 | Thông tư | 09/2013/TT-BTNMT ngày 28/5/2013 | quy định về quản lý, sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển, đất có mặt nước ven biển | 15/7/2013 | |
| 89 | Thông tư | 18/2013/TT-BTNMT ngày 18/7/2013 | ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính | 03/9/2013 | |
| 90 | Thông tư | 26/2013/TT-BTNMT ngày 26/9/2013 | hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/ NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần | 11/11/2013 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 91 | Thông tư | 30/2013/TT-BTNMT ngày 14/10/2013 | quy định thực hiện lồng ghép việc đo đạc lập hoặc chỉnh lý bản đồ địa chính và đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính | 29/11/2013 | |
| 92 | Thông tư | 31/2013/TT-BTNMT ngày 23/10/2013 | ban hành quy trình nghiệp vụ lưu trữ tài liệu đất đai | 09/12/2013 | |
| 93 | Thông tư | 33/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lưu trữ tài liệu đất đai | 11/12/2013 | |
| 94 | Thông tư liên tịch | 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 | hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn | 02/01/2014 | |
| 95 | Thông tư | 49/2013/TT-BTNMT ngày 26/12/2013 | sửa đổi, bổ sung một số quy định của định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra thoái hóa đất ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BTNMT ngày 26/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường | 09/02/2014 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 96 | Thông tư | 50/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 | ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác | 10/02/2014 | |
| 97 | Thông tư | 55/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 | quy định về thành lập bản đồ địa chính | 14/02/2014 | |
| **II** | **LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 98 | Luật | 08/1998/QH10 ngày 20/5/1998 | luật tài nguyên nước | 01/01/1999 | Hết hiệu lực ngày 01/01/2013 bị thay thế bởi Luật Tài nguyên nước năm 2012 |
| 99 | Luật | 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 | luật tài nguyên nước | 01/01/2013 | |
| 100 | Nghị định | 179/1999/NĐ-CP ngày 30/12/1999 | quy định chi tiết thi hành Luật Tài nguyên nước | 14/01/2000 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 01/02/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước |
| 101 | Quyết định | 67/2000/QĐ-TTg ngày 15/6/2000 | về việc thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước | 30/6/2000 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 02/4/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 02/4/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước |
| 102 | Quyết định | 99/2001/QĐ-TTg ngày 28/6/2001 | về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước | 28/6/2001 | Hết hiệu lực ngày 02/4/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 02/4/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 103 | Nghị định | 109/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 | về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước | 13/10/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 104 | Nghị định | 162/2003/NĐ-CP ngày 19/12/2003 | ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước | 06/01/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 16/10/2008 bị thay thế bởi Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường |
| 105 | Nghị định | 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 | quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước | 18/8/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/02/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước |
| 106 | Nghị định | 34/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 | quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước | 07/4/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/12/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản |
| 107 | Quyết định | 81/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 | về phê duyệt Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020 | 14/5/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 108 | Nghị định | 101/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 | về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển | 22/7/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 16/10/2008 bị thay thế bởi Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 109 | Nghị định | 120/2008/NĐ-CP ngày 12/01/2008 | về quản lý lưu vực sông | 27/12/2008 (có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 01/02/2014 bởi Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 hướng dẫn Luật Tài nguyên nước |
| 110 | Nghị định | 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 | về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường | 16/10/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 111 | Nghị định | 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 | về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi | 13/11/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 01/02/2014 bởi Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước |
| 112 | Nghị định | 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 | quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường | 05/6/2011 | Hết hiệu lực một phần ngày 15/6/2014 bởi Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 sửa đổi Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường |
| 113 | Nghị định | 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 | về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản | 15/12/2013 | |
| 114 | Nghị định | 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 | về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước | 01/02/2014 | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 115 | Thông tư | 18/2004/TT-BTNMT ngày 23/8/2004 | hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước | 19/9/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 116 | Thông tư | 05/2005/TT-BTNMT ngày 17/3/2005 | quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước | 16/8/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 117 | Thông tư | 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 | hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 Quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước | 26/7/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/7/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 về việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước |
| 118 | Quyết định | 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 10/12/2006 | quy định về cấp phép thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước dưới đất | 10/11/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 01/11/2011 bị sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 sửa đổi Quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất kèm theo Quyết định số số 17/2006/QĐ-BTNMT |
| 119 | Quyết định | 13/2007/QĐ-BTNMT ngày 09/4/2007 | ban hành Quy định việc điều tra, đánh giá nước dưới đất | 29/9/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 120 | Quyết định | 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 09/4/2007 | ban hành Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng | 29/9/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 121 | Thông tư liên tịch | 118/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 12/5/2008 | hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp đối với hoạt động quản lý tài nguyên nước | 09/01/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 122 | Quyết định | 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 | ban hành Quy định về bảo vệ nước dưới đất | 07/02/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 123 | Thông tư | 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 | quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước | 01/7/2009 | |
| 124 | Thông tư | 15/2009/TT-BTNMT ngày 10/5/2009 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước | 20/11/2009 | |
| 125 | Thông tư | 20/2009/TT-BTNMT ngày 11/5/2009 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước | 20/12/2009 | |
| 126 | Thông tư | 21/2009/TT-BTNMT ngày 11/5/2009 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước | 20/12/2009 | |
| 127 | Thông tư | 26/2009/TT-BTNMT ngày 30/11/2009 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra, đánh giá tài nguyên nước | 15/01/2009 | |
| 128 | Thông tư | 10/2010/TT-BTNMT ngày 07/01/2010 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát, đo đạc tài nguyên nước | 15/8/2010 | |
| 129 | Thông tư | 36/2011/TT-BTNMT ngày 15/9/2011 | Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất | 01/11/2011 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 130 | Thông tư | 15/2013/TT-BTNMT ngày 21/6/2013 | quy định kỹ thuật lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 | 05/8/2013 | |
| 131 | Thông tư | 16/2013/TT-BTNMT ngày 21/6/2013 | quy định kỹ thuật lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1/100.000 | 05/8/2013 | |
| 132 | Thông tư | 17/2013/TT-BTNMT ngày 21/6/2013 | quy định kỹ thuật lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1/200.000 | 05/8/2013 | |
| 133 | Thông tư | 19/2013/TT-BTNMT ngày 18/7/2013 | quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước dưới đất | 03/9/2013 | |
| **III** | **LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 134 | Luật | 47-L/CTN ngày 20/3/1996 | luật khoáng sản năm 1996 | 01/9/1996 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2011 bị thay thế bởi Luật khoáng sản năm 2010 |
| 135 | Luật | 46/2005/QH11 ngày 14/6/2005 | luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản năm 2005 | 01/10/2005 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2011 bị thay thế bởi Luật khoáng sản năm 2010 |
| 136 | Luật | 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 | luật khoáng sản năm 2010 | 01/7/2011 | |
| 137 | Nghị định | 68/CP ngày 01/11/1996 | quy định chi tiết việc thi hành Luật khoáng sản | 01/11/1996 | Hết hiệu lực ngày 30/12/2000 bị thay thế bởi Nghị định số 76/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 quy định chi tiết việc thi hành luật khoáng sản (sửa đổi) |
| 138 | Nghị định | 35/CP ngày 23/4/1997 | quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoáng sản | 01/7/1997 | Hết hiệu lực ngày 24/8/2004 bị thay thế bởi Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản |
| 139 | Quyết định | 204/1998/QĐ-TTg ngày 19/01/1998 | ban hành Quy chế tạm thời về lập dự toán, cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí sự nghiệp | 01/01/1999 | Hết hiệu lực |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | kinh tế đối với các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản | | |
| 140 | Chỉ thị | 03/1999/CT-TTg ngày 20/01/1999 | về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác cát, sỏi và nạo vét kết hợp tận thu cát, sỏi lòng sông | 04/02/1999 | Hết hiệu lực ngày 15/8/2002 bởi Chỉ thị số 16/2002/CT-TTg ngày 31/7/2002 về việc tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác cát, sỏi và nạo vét kết hợp tận thu cát, sỏi lòng sông |
| 141 | Quyết định | 219/1999/QĐ-TTg ngày 11/11/1999 | về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác | 26/11/1999 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | |
| 142 | Nghị định | 76/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 | quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (sửa đổi) | 30/12/2000 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 21/01/2006 bị thay thế bởi Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản |
| 143 | Chỉ thị | 16/2002/CT-TTg ngày 31/7/2002 | về việc tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác cát, sỏi và nạo vét kết hợp tận thu cát, sỏi lòng sông | 15/8/2002 | |
| 144 | Quyết định | 212/2003/QĐ-TTg ngày 21/10/2003 | về danh mục bí mật nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường | 08/11/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 10/6/2013 bị thay thế bởi Quyết định số 21/2013/QĐ-TTg ngày 24/4/2013 về Danh mục bí mật nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 145 | Nghị định | 121/2004/NĐ-CP ngày 12/5/2004 | quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường | 07/6/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 03/9/2006 bị bãi bỏ bởi Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường |
| 146 | Nghị định | 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 | quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản | 24/8/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/12/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản |
| 147 | Chỉ thị | 10/2005/CT-TTg ngày 05/4/2005 | về tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản | 25/4/2005 | Hết hiệu lực ngày 02/10/2008 bị thay thế bởi Chỉ thị số 26/2008/CT-TTg ngày 01/9/2008 về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản |
| 148 | Nghị định | 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 | quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản | 21/01/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 25/4/2012 bởi Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản |
| 149 | Nghị định | 77/2007/NĐ-CP ngày 10/5/2007 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29/7/2004 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản | 16/6/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/12/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản |
| 150 | Quyết định | 116/2007/QĐ-TTg ngày 23/7/2007 | phê duyệt đề án quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên, khoáng sản | 24/8/2007 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 151 | Quyết định | 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/5/2008 | về việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản | 26/6/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/5/2013 bị thay thế bởi Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản |
| 152 | Chỉ thị | 18/2008/CT-TTg ngày 06/6/2008 | về tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động khai thác các mỏ đá nhằm đảm bảo an toàn trong khai thác | 03/7/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 153 | Chỉ thị | 26/2008/CT-TTg ngày 01/9/2008 | về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản | 02/10/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 09/01/2012 bị thay thế bởi Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản |
| 154 | Chỉ thị | 29/2008/CT-TTg ngày 02/10/2008 | về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác, nạo vét kết hợp thu hồi, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông | 29/10/2008 | |
| 155 | Nghị định | 07/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản | 08/3/2009 (sau 45 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 25/4/2012 bởi Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 156 | Nghị quyết | 27/NQ-CP ngày 12/6/2009 | về một số giải pháp cấp bách trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 12/6/2009 | |
| 157 | Quyết định | 26/2011/QĐ-TTg ngày 04/5/2011 | quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường | 01/7/2011 | Hết hiệu lực ngày 10/4/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 16/2014/QĐ-TTg ngày 19/02/2014 quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 158 | Nghị định | 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 | quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản | 25/4/2012 | Hết hiệu lực một phần (Điều 42) ngày 20/01/2014 bởi Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản |
| 159 | Nghị định | 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 | quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản | 15/5/2012 | |
| 160 | Quyết định | 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 | về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản | 15/5/2013 | |
| 161 | Quyết định | 21/2013/QĐ-TTg ngày 24/4/2013 | về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường | 10/6/2013 | |
| 162 | Nghị định | 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 | quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản | 15/12/2013 | |
| 163 | Nghị định | 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 | quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 20/01/2014 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 164 | Thông tư | 10-TT/ĐCKS ngày 13/9/1997 | hướng dẫn thủ tục trình thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo trong hoạt động khoáng sản và lập đề án khảo sát, thăm dò khoáng sản | 28/9/1997 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 18/02/2006 bởi Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản |
| 165 | Thông tư liên tịch | 36/1999/TTLT-BTC-BCN ngày 02/4/1999 | hướng dẫn lập dự toán, cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản | 01/01/1999 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 26/5/2007 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 37/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 11/4/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản |
| 166 | Quyết định | 57/1999/QĐ-BCN ngày 23/8/1999 | về Quy chế nghiệm thu, thẩm định, xét duyệt, phê duyệt đề án và báo cáo tổng kết đề án điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản | 07/9/1999 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 25/9/2009 bị thay thế bởi Thông tư số 11/2009/TT-BTNMT ngày 11/8/2009 quy định công tác nghiệm thu kết quả thi công và thẩm định các dự án, báo cáo thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản |
| 167 | Thông tư liên tịch | 126/1999/TTLT-BTC-BCN-BKHCNMT ngày 22/10/1999 | hướng dẫn ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản do Bộ Tài chính - Bộ Công nghiệp và Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường ban hành | 06/11/1999 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 26/6/2008 bị bãi bỏ bởi Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/5/2008 về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 168 | Quyết định | 56/2000/QĐ-BCN ngày 22/9/2000 | về việc ban hành Quy chế tạm thời về lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) | 07/10/2000 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 25/01/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 13/2008/QĐ-BTNMT ngày 24/12/2008 về việc ban hành quy định về đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra tài nguyên khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 |
| 169 | Quyết định | 17/2001/QĐ-BCN ngày 23/3/2001 | quy định thủ tục giấy phép hoạt động khoáng sản (sửa đổi) | 07/4/2001 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 17/10/2003 bị thay thế bởi Quyết định số 06/2003/QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2003 ban hành quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản |
| 170 | Thông tư liên tịch | 46/2002/TTLB-BTC-BCN ngày 21/5/2002 | hướng dẫn phương pháp xác định giá trị phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản của Nhà nước | 05/6/2002 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 12/11/2009 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 28/9/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của nhà nước |
| 171 | Quyết định | 06/2003/QĐ-BTNMT ngày 19/9/2003 | quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản | 17/10/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 18/02/2006 bởi Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 172 | Quyết định | 23/2004/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2004 | quy định về báo cáo trong hoạt động khoáng sản | 24/11/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 18/02/2006 bởi Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản |
| 173 | Thông tư | 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 | về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ | 18/02/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/01/2013 bởi Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản |
| 174 | Quyết định | 02/2006/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2006 | quy định về tài liệu và thủ tục công nhận chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản rắn | 01/3/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 175 | Quyết định | 04/2006/QĐ-BTNMT ngày 31/3/2006 | ban hành bộ đơn giá dự toán các công trình địa chất | 11/5/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 176 | Quyết định | 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 | quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn | 07/7/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 177 | Quyết định | 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 | quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản | 10/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 178 | Thông tư liên tịch | 37/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 11/4/2007 | hướng dẫn lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản | 26/5/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 19/4/2009 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 40/2009/ TTLT-BTC-BTNMT ngày 05/3/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản |
| 179 | Quyết định | 09/2007/QĐ-BTNMT ngày 01/6/2007 | ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra địa chất - khoáng sản biển tỷ lệ 1/500.000 ở độ sâu ngập nước từ 30 - 100m | 07/7/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 13/10/2008 bị thay thế bởi Quyết định số 06/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/9/2008 về Định mức kinh tế - kỹ thuật các công trình địa chất |
| 180 | Quyết định | 25/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 | về việc ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên than | 09/02/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 181 | Quyết định | 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 | về việc ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat | 09/02/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 182 | Quyết định | 27/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 | về việc ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên bauxit | 09/02/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 183 | Quyết định | 06/2008/QĐ-BTNMT ngày 10/9/2008 | về Định mức kinh tế - kỹ thuật các công trình địa chất | 13/10/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 20/8/2010 bị thay thế bởi Thông tư số 11/2010/TT-BTNMT ngày 05/7/2010 quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật các công trình địa chất |
| 184 | Quyết định | 13/2008/QĐ-BTNMT ngày 24/12/2008 | ban hành quy định về đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra về tài nguyên khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 | 25/01/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 05/3/2013 bị thay thế bởi Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền |
| 185 | Quyết định | 14/2008/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2008 | về ban hành quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ sa khoáng thiếc, vàng và titan | 30/01/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 186 | Thông tư liên tịch | 135/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/12/2008 | hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước | | |
| 187 | Thông tư liên tịch | 40/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 05/3/2009 | hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản | 19/4/2009 (sau 45 ngày kể từ ngày ký) | |
| 188 | Thông tư | 11/2009/TT-BTNMT ngày 11/8/2009 | quy định công tác nghiệm thu kết quả thi công và thẩm định các dự án, báo cáo thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản | 25/9/2009 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 189 | Thông tư liên tịch | 186/2009/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 28/9/2009 | hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước | 12/11/2009 (sau 45 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực một phần ngày 10/6/2012 bởi Thông tư liên tịch số 64/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 25/4/2012 sửa đổi Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT |
| 190 | Thông tư | 22/2009/TT-BTNMT ngày 11/11/2009 | quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ đá sét | 01/01/2010 | |
| 191 | Thông tư | 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 | quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản | 15/02/2010 | |
| 192 | Thông tư | 11/2010/TT-BTNMT ngày 05/7/2010 | quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật các công trình địa chất | 20/8/2010 | |
| 193 | Thông tư | 25/2010/TT-BTNMT ngày 27/10/2010 | quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo | 01/01/2011 | |
| 194 | Thông tư | 33/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ quặng sắt | 28/01/2011 | |
| 195 | Thông tư | 37/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo | 15/02/2011 | |
| 196 | Thông tư | 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011 | về quy định kỹ thuật đo địa vật lý lỗ khoan | 15/3/2011 | |
| 197 | Thông tư | 03/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011 | quy định nội dung lập bản đồ địa chất khoáng sản chi tiết và thiết kế, bố trí dạng công việc đánh giá khoáng sản | 15/3/2011 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 198 | Thông tư | 04/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011 | quy định kỹ thuật đo địa chấn trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và địa chất công trình | 15/3/2011 | |
| 199 | Thông tư | 05/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011 | quy định kỹ thuật phương pháp thăm dò trọng lực mặt đất | 15/3/2011 | |
| 200 | Thông tư | 06/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011 | về kiểm soát chất lượng kết quả phân tích mẫu địa chất, khoáng sản | 15/3/2011 | |
| 201 | Thông tư liên tịch | 64/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 25/4/2012 | sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28/9/2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước | 10/6/2012 | |
| 202 | Thông tư | 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 | quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản | 15/01/2013 | |
| 203 | Thông tư | 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 | quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản | 15/01/2013 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 204 | Thông tư | 23/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 | về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền | 05/3/2013 | |
| 205 | Thông tư | 24/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 | về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sử dụng mẫu chuẩn được chứng nhận trong phân tích mẫu địa chất, khoáng sản rắn | 05/3/2013 | |
| 206 | Thông tư | 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 | quy định việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản | 15/4/2013 | |
| 207 | Thông tư | 07/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 | sửa đổi định mức kinh tế - kỹ thuật các công trình địa chất kèm theo Thông tư số 11/2010/TT-BTNMT | 24/6/2013 | |
| 208 | Thông tư | 12/2013/TT-BTNMT ngày 05/6/2013 | quy định về giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản | 22/7/2013 | |
| 209 | Thông tư | 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 | Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản | 15/02/2014 | |
| **IV** | **LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 210 | Luật | 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 | luật bảo vệ môi trường | 01/7/2006 | |
| 211 | Luật | 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 | luật Đa dạng sinh học | 01/7/2009 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 212 | Nghị định | 175/CP ngày 18/10/1994 | hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường | 18/10/1994 | Hết hiệu lực ngày 03/9/2006 bị bãi bỏ bởi Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường |
| 213 | Quyết định | 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 | Phê duyệt "Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng" | 01/6/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 214 | Nghị định | 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 | về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 01/01/2004 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải |
| 215 | Quyết định | 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 | phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 | 23/12/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 216 | Nghị định | 143/2004/NĐ-CP ngày 12/7/2004 | sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường | 03/8/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 03/9/2006 bị bãi bỏ bởi Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường |
| 217 | Quyết định | 212/2005/QĐ-TTg ngày 26/8/2005 | về việc ban hành quy chế quản lý an toàn sinh học đối với các sinh vật biến đổi gen; sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen | 22/9/2009 | Hết hiệu lực ngày 10/8/2010 bị hủy bỏ bởi Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 218 | Nghị định | 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 | hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường | 03/9/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 05/6/2011 bởi Nghị định số 29/2011/ NĐ-CP ngày 18/4/2011 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường |
| 219 | Nghị định | 81/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 | về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường | 03/9/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực từ ngày 01/3/2010 bị thay thế bởi Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường |
| 220 | Quyết định | 184/2006/QĐ-TTg ngày 10/8/2006 | phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia thực hiện công ước Stockhom về các chất ô nhiễm khó phân hủy | 05/9/2006 (có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 221 | Nghị định | 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 | quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển | 16/12/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 222 | Nghị định | 04/2007/NĐ-CP ngày 14/01/2007 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 03/02/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải |
| 223 | Nghị định | 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 | về quản lý chất thải rắn | 18/5/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 224 | Nghị định | 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 | quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước | 22/6/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 225 | Nghị định | 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 | về thoát nước đô thị và khu công nghiệp | 08/7/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 226 | Quyết định | 79/2007/QĐ-TTg ngày 31/5/2007 | phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thực hiện Công ước đa dạng sinh học và Nghị định thư Catagena về an toàn sinh học | 07/7/2007 | |
| 227 | Nghị định | 174/2007/NĐ-CP ngày 29/11/2007 | về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn | 22/12/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 228 | Quyết định | 14/2008/QĐ-TTg ngày 22/01/2008 | về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020 | 17/02/2008 | |
| 229 | Nghị định | 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 | về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/ NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường | 21/3/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 05/6/2011 bởi Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 230 | Quyết định | 35/2008/QĐ-TTg ngày 03/3/2008 | về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt nam | 23/3/2008 | Hết hiệu lực ngày 25/3/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 02/2014/QĐ-TTg ngày 13/01/2014 về việc tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành |
| 231 | Quyết định | 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 | về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích | 26/5/2008 | Hết hiệu lực một phần ngày 20/8/2011 bởi Quyết định số 38/2011/ QĐ-TTg ngày 05/7/2011 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung một số đối tượng thuộc khu vực công ích được hỗ trợ kinh phí có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường |
| 232 | Quyết định | 132/2008/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục môi trường | 01/11/2008 | Hết hiệu lực ngày 15/5/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 25/2014/QĐ-TTg ngày 25/3/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục môi trường |
| 233 | Nghị định | 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 | về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường | 28/02/2009 (sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành) | |
| 234 | Nghị định | 25/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 | về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo | 01/5/2009 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 235 | Nghị định | 117/2009/NĐ-CP ngày 31/12/2009 | xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường | 01/3/2010 | Hết hiệu lực ngày 30/12/2013 bởi Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường |
| 236 | Nghị định | 26/2010/NĐ-CP ngày 22/3/2010 | sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 01/6/2010 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải |
| 237 | Nghị định | 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 | quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học | 30/7/2010 | Hết hiệu lực một phần ngày 01/01/2014 bởi Thông tư số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ |
| 238 | Nghị định | 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 | về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen | 10/8/2010 | Hết hiệu lực một phần ngày 15/01/2012 bởi Nghị định số 108/2011/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 69/2010/NĐ-CP về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen |
| 239 | Nghị định | 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 | quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường | 05/6/2011 | Hết hiệu lực một phần ngày 15/6/2014 bởi Nghị định số 35/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 240 | Quyết định | 38/2011/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 | về việc bổ sung một số đối tượng thuộc khu vực công ích được hỗ trợ kinh phí có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường | 20/8/2011 | |
| 241 | Nghị định | 108/2011/NĐ-CP ngày 30/11/2011 | sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen | 15/01/2012 | |
| 242 | Quyết định | 04/2013/QĐ-TTg ngày 17/01/2013 | quy định về thẩm quyền quyết định Danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần phải xử lý triệt để | 01/3/2013 | |
| 243 | Quyết định | 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 | về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản | 15/5/2013 | |
| 244 | Nghị định | 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 | về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 01/7/2013 | |
| 245 | Nghị định | 27/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 | quy định điều kiện tham gia hoạt động quan trắc môi trường | 05/6/2013 | |
| 246 | Quyết định | 50/2013/QĐ-TTg ngày 09/8/2013 | quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ | 25/9/2013 | |
| 247 | Nghị định | 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 | quy định tiêu chí xác định loài, chế độ quản lý và bảo vệ loài thuộc các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ | 01/01/2014 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 248 | Nghị định | 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 | về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường | 30/12/2013 | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 249 | Quyết định | 04/2003/QĐ-BTNMT ngày 21/8/2003 | ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường | 18/9/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 10/10/2006 bị thay thế bởi Quyết định số 13/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| 250 | Thông tư liên tịch | 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 | hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 14/01/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2013 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải |
| 251 | Quyết định | 19/2003/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2003 | về việc ban hành quy định về thủ tục chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành việc thực hiện các biện pháp xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ | 29/01/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 18/9/2006 bị thay thế bởi Quyết định số 10/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/8/2006 ban hành quy định về chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng đã hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ |
| 252 | Quyết định | 02/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2004 | về Giải thưởng Môi trường | 25/3/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 15/9/2010 bị thay thế bởi Thông tư số 13/2010/TT-BTNMT ngày 28/7/2010 quy định về giải thưởng môi trường Việt Nam |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 253 | Quyết định | 03/2004/QĐ-BTNMT ngày 02/4/2004 | ban hành quy định bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất | 01/5/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 07/10/2006 bị thay thế bởi Quyết định số 12/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 về việc ban hành danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất |
| 254 | Nghị quyết liên tịch | 01/2005/NQLT-HLHPNVN-BTNMT ngày 07/01/2005 | về việc phối hợp hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững | 31/3/2005 | |
| 255 | Thông tư liên tịch | 15/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/02/2005 | hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường | 23/3/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 12/02/2007 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 114/2006/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29/12/2006 Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường |
| 256 | Quyết định | 07/2005/QĐ-BTNMT ngày 20/9/2005 | về việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7440:2005 - Tiêu chuẩn ngành công nghiệp nhiệt điện | 17/10/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 257 | Nghị quyết liên tịch | 08/2005/NQLT-BTNMT-ĐTNCSHCM ngày 07/12/2005 | về việc phối hợp hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững | 31/3/2005 | |
| 258 | Quyết định | 10/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/8/2006 | ban hành quy định về chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng đã hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ | 18/9/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 259 | Thông tư | 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 | hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường | 10/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 07/01/2009 bị thay thế bởi Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 12/8/2008 hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường |
| 260 | Quyết định | 12/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 | ban hành danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất | 07/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/4/2013 bị thay thế bởi Thông tư số 01/2013/TT-BTNMT ngày 28/01/2013 quy định về phế liệu được phép nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất |
| 261 | Quyết định | 13/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 | ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | 10/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 10/10/2009 bị thay thế bởi Thông tư số 13/2009/TT-BTNMT ngày 18/8/2009 quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường |
| 262 | Quyết định | 15/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 | ban hành danh mục thiết bị làm lạnh sử dụng môi chất lạnh CFC cấm nhập khẩu | 07/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 263 | Thông tư | 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 | hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại | 19/01/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/6/2011 bị thay thế bởi Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 quy định về quản lý chất thải nguy hại |
| 264 | Quyết định | 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 | ban hành danh mục chất thải nguy hại | 21/01/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/6/2011 bị thay thế bởi Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 quy định về quản lý chất thải nguy hại |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 265 | Thông tư liên tịch | 114/2006/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29/12/2006 | hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường | 12/02/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 14/5/2010 bị thay thế bởi Thông tư số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường |
| 266 | Thông tư | 07/2007/TT-BTNMT ngày 03/7/2007 | hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý | | Hết hiệu lực một phần ngày 25/6/2012 bởi Thông tư số 04/2012/ TT-BTNMT ngày 08/5/2012 quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng |
| 267 | Quyết định | 10/2007/QĐ-BTNMT ngày 05/7/2007 | ban hành định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh và nước mặt lục địa | 06/10/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 06/6/2014 bởi Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22/4/2014 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa a xít, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ |
| 268 | Thông tư liên tịch | 02/2007/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/8/2007 | hướng dẫn thực hiện Điều 43 Luật bảo vệ môi trường về tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất | 06/10/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/01/2013 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 34/2012/ TTLT-BCT-BTNMT ngày 15/11/2012 hướng dẫn về điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất |
| 269 | Thông tư liên tịch | 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06/9/2007 | sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP | 07/10/2007 (có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/7/2013 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 63/2013/ TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | | |
| 270 | Thông tư | 10/2007/TT-BTNMT ngày 22/10/2007 | hướng dẫn bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường | 18/11/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 03/02/2013 bởi Thông tư số 21/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012 quy định việc bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường |
| 271 | Quyết định | 19/2007/QĐ-BTNMT ngày 26/11/2007 | quy định điều kiện và hướng dẫn hoạt động dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của tổ chức dịch vụ thẩm định | 22/12/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 272 | Thông tư liên tịch | 12/2007/TTLT-BTNMT-BNV ngày 27/12/2007 | hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước | 28/01/2008 (có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 273 | Quyết định | 02/2008/QĐ-BTNMT ngày 16/4/2008 | ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường đất, nước dưới đất và mưa axit | 29/6/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 06/6/2014 bởi Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22/4/2014 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa a xít, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 274 | Quyết định | 03/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/4/2008 | ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ | 01/7/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 06/6/2014 bởi Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22/4/2014 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa a xít, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ |
| 275 | Thông tư liên tịch | 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29/4/2008 | hướng dẫn lập dự toán công tác bảo vệ môi trường thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường | 02/6/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 276 | Quyết định | 04/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/7/2008 | quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 17/8/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 277 | Thông tư | 05/2008/TT-BTNMT ngày 12/8/2008 | hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường | 07/01/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 02/9/2011 bởi Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường |
| 278 | Thông tư | 04/2008/TT-BTNMT ngày 18/9/2008 | hướng dẫn lập phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường | 21/10/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 02/5/2012 bị thay thế bởi Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 quy định về lập, thẩm định phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 279 | Quyết định | 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 | quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 08/02/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 280 | Thông tư liên tịch | 02/2009/TTLT-BCA-BTNMT ngày 06/02/2009 | hướng dẫn quan hệ phối hợp công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | 23/3/2009 | |
| 281 | Thông tư | 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 | quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp | 01/9/2009 | Hết hiệu lực một phần ngày 15/02/2012 bởi Thông tư số 48/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp |
| 282 | Thông tư | 09/2009/TT-BTNMT ngày 11/8/2009 | quy định về xây dựng và quản lý các chỉ thị môi trường quốc gia | 25/9/2009 | |
| 283 | Thông tư | 10/2009/TT-BTNMT ngày 11/8/2009 | quy định về bộ chỉ thị môi trường quốc gia đối với môi trường không khí nước mặt lục địa, nước biển ven bờ | 25/9/2009 | |
| 284 | Thông tư | 13/2009/TT-BTNMT ngày 18/8/2009 | quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | 10/10/2009 | Hết hiệu lực ngày 02/9/2011 bởi Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 285 | Thông tư | 16/2009/TT-BTNMT ngày 07/10/2009 | quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 01/01/2010 | Hết hiệu lực một phần ngày 01/01/2014 bởi Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 ban hành quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường |
| 286 | Thông tư liên tịch | 31/2009/TTLT-BCT-BTNMT ngày 04/11/2009 | hướng dẫn việc thực hiện nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công thương | 26/12/2009 | |
| 287 | Thông tư | 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 | ban hành quy chuẩn quốc gia về môi trường | 01/01/2010 | Hết hiệu lực một phần ngày 15/02/2012 bởi Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 quy định quy chuẩn quốc gia về môi trường |
| 288 | Thông tư | 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 | quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với các hoạt động khai thác khoáng sản | 15/02/2010 | |
| 289 | Thông tư | 08/2010/TT-BTNMT ngày 18/3/2010 | quy định việc xây dựng báo cáo môi trường quốc gia, báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực và báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh | 06/5/2010 | |
| 290 | Thông tư liên tịch | 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 | hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường | 14/5/2010 (sau 45 ngày kể từ ngày ký) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 291 | Thông tư liên tịch | 107/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 26/7/2010 | sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 và Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 01/6/2010 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2013 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải |
| 292 | Thông tư | 13/2010/TT-BTNMT ngày 28/7/2010 | quy định về giải thưởng môi trường Việt Nam | 15/9/2010 | |
| 293 | Thông tư | 18/2010/TT-BTNMT ngày 04/10/2010 | quy định về định mức sử dụng diện tích nhà, xưởng, thiết bị và biên chế cho trạm quan trắc môi trường | 18/11/2010 | |
| 294 | Thông tư | 19/2010/TT-BTNMT ngày 12/10/2010 | quy định đăng ký, lưu hành, sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải ở Việt Nam | 10/12/2010 | |
| 295 | Thông tư liên tịch | 35/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT ngày 18/11/2010 | hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy | 02/01/2011 (sau 45 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 20/10/2012 bởi Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT ngày 05/9/2012 hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 296 | Thông tư liên tịch | 197/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 08/12/2010 | hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường | 31/01/2011 | Hết hiệu lực ngày 16/12/2013 bị bãi bỏ bởi Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 quy định về thủ tục, thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 297 | Thông tư | 36/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo | 15/02/2011 | |
| 298 | Thông tư | 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 | quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 15/02/2011 | |
| 299 | Thông tư | 41/2010/TT-BTNMT ngày 28/12/2010 | quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 15/02/2011 | |
| 300 | Thông tư | 42/2010/TT-BTNMT ngày 29/12/2010 | quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 15/02/2011 | |
| 301 | Thông tư | 43/2010/TT-BTNMT ngày 29/12/2010 | quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 15/02/2011 | |
| 302 | Thông tư | 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 | quy định về quản lý chất thải nguy hại | 01/6/2011 | |
| 303 | Thông tư | 17/2011/TT-BTNMT ngày 08/6/2011 | quy định về quy trình kỹ thuật thành lập bản đồ môi trường (không khí, nước mặt lục địa, nước biển) | 01/8/2011 | |
| 304 | Thông tư | 18/2011/TT-BTNMT ngày 08/6/2011 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật thành lập bản đồ môi trường xây dựng bằng phương pháp sử dụng bản đồ nền cơ sở, địa lý kết hợp với đo đạc, quan trắc, bổ sung số liệu ngoài thực địa | 01/8/2011 | |
| 305 | Thông tư | 20/2011/TT-BTNMT ngày 20/6/2011 | sửa đổi định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh và | 15/8/2011 | Hết hiệu lực ngày 06/6/2014 bởi Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22/4/2014 ban hành định mức |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | nước mặt lục địa; định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ, định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường đất, nước dưới đất và nước mưa axit | | kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa a xít, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ |
| 306 | Thông tư | 22/2011/TT-BTNMT ngày 01/7/2011 | quy định tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại | 15/8/2011 | Hết hiệu lực ngày 26/11/2013 bởi Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT ngày 26/9/2013 quy định tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và danh mục loài ngoại lai xâm hại |
| 307 | Thông tư | 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 | quy định chi tiết thực hiện Nghị định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và quy hoạch bảo vệ môi trường | 02/9/2011 | |
| 308 | Thông tư | 28/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn | 15/9/2011 | |
| 309 | Thông tư | 29/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường nước lục địa | 15/9/2011 | |
| 310 | Thông tư | 30/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường nước dưới đất | 15/9/2011 | |
| 311 | Thông tư | 31/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường nước biển (bao gồm cả trầm tích đáy và sinh vật biển) | 15/9/2011 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 312 | Thông tư | 32/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định quy trình kỹ thuật quan trắc chất lượng nước mưa | 15/9/2011 | |
| 313 | Thông tư | 33/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường đất | 15/9/2011 | |
| 314 | Thông tư | 42/2011/TT-BTNMT ngày 12/12/2011 | quy định Quy trình kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về tư liệu môi trường. | 25/01/2012 | |
| 315 | Thông tư | 43/2011/TT-BTNMT ngày 12/12/2011 | quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 15/02/2012 | |
| 316 | Thông tư | 44/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 | quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 01/3/2012 | |
| 317 | Thông tư | 46/2011/TT-BTNMT ngày 27/12/2011 | quy định bảo vệ môi trường làng nghề | 01/3/2012 | |
| 318 | Thông tư | 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 | ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 15/02/2012 | |
| 319 | Thông tư | 48/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp | 15/02/2012 | |
| 320 | Thông tư | 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 | quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập, đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản | 02/5/2012 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 321 | Thông tư liên tịch | 50/2012/TTLT- BTC-BTNMT ngày 30/3/2012 | về chế độ tài chính cho hoạt động lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược | 20/5/2012 | |
| 322 | Thông tư | 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 | quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng | 25/6/2012 | |
| 323 | Thông tư | 07/2012/TT-BTNMT ngày 04/7/2012 | quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận túi ni lông thân thiện với môi trường | 20/8/2012 | |
| 324 | Thông tư | 09/2012/TT-BTNMT ngày 22/8/2012 | quy định việc cung cấp, trao đổi thông tin và dữ liệu về sinh vật biến đổi gen | 08/10/2012 | |
| 325 | Thông tư liên tịch | 22/2012/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT ngày 05/9/2012 | hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội | 20/10/2012 | |
| 326 | Thông tư | 10/2012/TT-BTNMT ngày 12/10/2012 | ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 12/12/2012 | |
| 327 | Thông tư liên tịch | 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT ngày 15/11/2012 | hướng dẫn về điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất | 01/01/2013 | |
| 328 | Thông tư | 21/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012 | quy định việc bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường | 03/02/2013 | |
| 329 | Thông tư | 27/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 | quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 01/3/2013 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 330 | Thông tư | 01/2013/TT-BTNMT ngày 28/01/2013 | quy định về phế liệu được phép nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất | 01/4/2013 | |
| 331 | Thông tư | 06/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 | ban hành danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng phục vụ tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 01/7/2013 | |
| 332 | Thông tư liên tịch | 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 | hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 01/7/2013 | |
| 333 | Thông tư | 08/2013/TT-BTNMT ngày 16/5/2013 | quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen | 01/7/2013 | |
| 334 | Thông tư | 13/2013/TT-BTNMT ngày 21/6/2013 | quy định Quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật trong phát hiện sinh vật biến đổi gen bằng phương pháp phân tích định tính, định lượng axít deoxyribonucleic | 05/8/2013 | |
| 335 | Thông tư | 14/2013/TT-BTNMT ngày 21/6/2013 | quy định về Quy trình kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật thiết kế, xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng tại hệ sinh thái đất ngập nước ven biển | 05/8/2013 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 336 | Thông tư liên tịch | 21/2013/TTLT-BGTVT-BTNMT ngày 22/8/2013 | hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông đường thủy | 01/11/2013 | |
| 337 | Thông tư liên tịch | 27/2013/TTLT-BTNMT-BNN&PTNT ngày 26/9/2013 | quy định tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại | 26/11/2013 | |
| 338 | Thông tư liên tịch | 28/2013/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 08/10/2013 | hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015 | 01/12/2013 | |
| 339 | Thông tư | 32/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 | ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 01/01/2014 | |
| 340 | Thông tư | 34/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 | quy định về giao nộp, thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu môi trường | 15/12/2013 | |
| 341 | Thông tư | 41/2013/TT-BTNMT ngày 02/12/2013 | quy định trình tự, thủ tục chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện môi trường | 15/01/2014 | |
| 342 | Thông tư | 42/2013/TT-BTNMT ngày 03/12/2013 | quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận | 20/01/2014 | |
| 343 | Thông tư | 43/2013/TT-BTNMT ngày 25/12/2013 | quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 10/02/2014 | |
| 344 | Thông tư | 52/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 | quy định việc vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm | 01/3/2014 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 345 | Thông tư | 57/2013/TT-BTNMT ngày 31/12/2013 | ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường | 05/3/2014 | |
| **V** | **LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 346 | Pháp lệnh | Thông qua ngày 02/12/1994 | pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn | | |
| 347 | Quyết định | 819/1995/QĐ-TTg ngày 14/12/1995 | về chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, viên chức khí tượng thủy văn | 01/01/1996 | Hết hiệu lực ngày 01/7/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 78/2009/QĐ-TTg ngày 15/5/2009 về chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, viên chức khí tượng thủy văn thuộc ngành tài nguyên và môi trường |
| 348 | Nghị định | 24/1997/NĐ-CP ngày 19/3/1997 | quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn | 03/4/1997 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | |
| 349 | Quyết định | 581/QĐ-TTg ngày 25/7/1997 | ban hành quy chế báo bão, lũ | 09/8/1997 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 10/12/2005 bị thay thế bởi Quyết định số 307/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 ban hành quy chế báo áp thấp nhiệt đới bão, lũ |
| 350 | Nghị định | 30/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 | về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ | 01/4/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/01/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn và đo đạc bản đồ |
| 351 | Quyết định | 307/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 | ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ | 10/12/2005 Có hiệu lực thi hành sau 15 ngày từ ngày ký | Hết hiệu lực ngày 27/10/2006 bị thay thế bởi Quyết định số 245/2006/ QĐ-TTg ngày 27/10/2006 ban hành quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 352 | Quyết định | 83/2006/QĐ-TTg ngày 17/4/2006 | về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề khí tượng thủy văn thuộc ngành tài nguyên và môi trường | 15/5/2006 | Hết hiệu lực ngày 01/11/2011 bị thay thế bởi Quyết định số 47/2011/QĐ-TTg ngày 22/8/2011 về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề khí tượng thủy văn thuộc ngành tài nguyên và môi trường |
| 353 | Quyết định | 245/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 | ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ | 27/10/2006 | Hết hiệu lực ngày 01/5/2011 bị thay thế bởi Quyết định số 17/2011/QĐ-TTg ngày 14/3/2011 ban hành quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ |
| 354 | Quyết định | 264/2006/QĐ-TTg ngày 16/11/2006 | ban hành Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần | 15/12/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 355 | Quyết định | 16/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 | về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 | 01/3/2007 (có hiệu lực 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 356 | Quyết định | 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 | về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch | 05/9/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 357 | Nghị định | 61/2008/NĐ-CP ngày 09/5/2008 | về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn | 02/6/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo | Hết hiệu lực ngày 01/01/2014 bị thay thế bởi Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn và đo đạc bản đồ |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 358 | Nghị định | 128/2008/QĐ-TTg ngày 17/9/2008 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường | 16/10/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 12/02/2014 bị thay thế bởi Quyết định số 77/2013/QĐ-TTg ngày 24/12/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 359 | Quyết định | 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 | phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu | 26/12/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 09/01/2012 bởi Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu |
| 360 | Quyết định | 78/2009/QĐ-TTg ngày 15/5/2009 | về chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, viên chức khí tượng thủy văn trong ngành Tài nguyên và Môi trường | 01/7/2009 | |
| 361 | Quyết định | 133/2009/QĐ-TTg ngày 03/11/2009 | ban hành Quy chế thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên biển | 20/12/2009 | |
| 362 | Quyết định | 17/2011/QĐ-TTg ngày 14/3/2011 | ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ | 01/5/2011 | |
| 363 | Quyết định | 47/2011/QĐ-TTg ngày 22/8/2011 | về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề khí tượng thủy văn thuộc ngành tài nguyên và môi trường | 01/11/2011 | |
| 364 | Nghị định | 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 | xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ | 01/01/2014 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 365 | Quyết định | 77/2013/QĐ-TTg ngày 24/12/2013 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường | 12/02/2014 | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 366 | Chỉ thị | 540/KTTV ngày 03/8/1977 | về thủ tục xây dựng và di chuyển trạm khí tượng thủy văn | | Hết hiệu lực ngày 11/4/2006 bị bãi bỏ bởi Quyết định số 03/2006/QĐ-BTNMT ngày 17/3/2006 ban hành quy chế lập, di chuyển, nâng cấp, hạ cấp, giải thể trạm khí tượng thủy văn |
| 367 | Quyết định | 178/QĐ-TCKTTV ngày 21/8/1991 | ban hành quy phạm quan trắc hải văn ven bờ (94 TCN 8-91) | | Hết hiệu lực ngày 01/01/2007 bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2006/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2006 ban hành quy phạm quan trắc hải văn ven bờ |
| 368 | Văn bản | Năm 1993 | về Mã luật khí tượng nông nghiệp | | Hết hiệu lực ngày 01/6/2006, bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2006/QĐ-BTNMT ngày 11/01/2006 ban hành Mã luật Khí tượng nông nghiệp |
| 369 | Thông tư | 129/LB-TT ngày 26/3/1996 | hướng dẫn thực hiện Quyết định số 819/TTg ngày 14/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức ngành khí tượng thủy văn | 01/01/1996 | Hết hiệu lực ngày 01/12/2009 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT- BTNMT-BNV-BTC ngày 21/10/2009 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 78/2009/QĐ-TTg ngày 15/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, viên chức khí tượng thủy văn thuộc ngành tài nguyên và môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 370 | Quyết định | 136/QĐ/KTTV ngày 12/3/1997 | ban hành Quy chế quản lý chất lượng phương tiện đo chuyên ngành khí tượng thủy văn | | Hết hiệu lực một phần ngày 10/6/2011 bởi Thông tư số 11/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 sửa đổi, bổ sung Quy chế giao nộp, lưu trữ, bảo quản, khai thác tư liệu khí tượng thủy văn; Quy chế quản lý chất lượng phương tiện đo chuyên ngành khí tượng thủy văn |
| 371 | Quyết định | 614/QĐ/KTTV ngày 06/9/1997 | ban hành Quy chế Giao nộp, lưu trữ, bảo quản khai thác tư liệu khí tượng thủy văn | | Hết hiệu lực một phần ngày 10/6/2011 bởi Thông tư số 11/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 sửa đổi, bổ sung Quy chế giao nộp, lưu trữ, bảo quản, khai thác tư liệu khí tượng thủy văn; Quy chế quản lý chất lượng phương tiện đo chuyên ngành khí tượng thủy văn |
| 372 | Quyết định | 840/QĐ-TCKTTV ngày 2/12/1997 | ban hành Mã luật Khí tượng bề mặt (94 TCN 14-97) | | Hết hiệu lực ngày 01/01/2007 bị thay thế bởi Quyết định số 18/2006/QĐ-BTNMT ngày 20/11/2006 ban hành Mã luật Khí tượng thủy văn bề mặt |
| 373 | Quyết định | 784/QĐ-TCKTTV ngày 07/10/2002 | ban hành quy phạm lưu trữ tư liệu khí tượng thủy văn (94 TCN 23-2002) | | Hết hiệu lực ngày 01/02/2007 bị bãi bỏ bởi Quyết định số 24/2006/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2006 ban hành quy phạm lưu trữ tư liệu khí tượng thủy văn |
| 374 | Quyết định | 15/2003/QĐ-BTNMT ngày 26/11/2003 | ban hành quy phạm quan trắc mực nước và nhiệt độ, nước sông | 01/01/2004 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 375 | Thông tư liên tịch | 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11/7/2005 | hướng dẫn quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô - dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô - dôn | 09/8/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/01/2012 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn |
| 376 | Quyết định | 01/2006/QĐ-BTNMT ngày 11/01/2006 | ban hành Mã luật Khí tượng nông nghiệp | 01/6/2006 | Hết hiệu lực ngày 14/02/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 17/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí tượng thủy văn |
| 377 | Thông tư | 02/2006/TT-BTNMT ngày 15/3/2006 | hướng dẫn thực hiện Quyết định số 307/2005/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ | 13/7/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 04/01/2007 bị thay thế bởi Thông tư số 11/2006/TT-BTNMT ngày 20/12/2006 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ |
| 378 | Quyết định | 03/2006/QĐ-BTNMT ngày 17/3/2006 | ban hành Quy chế thành lập, di chuyển, nâng cấp, hạ cấp, giải thể trạm khí tượng thủy văn | 11/4/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 379 | Thông tư liên tịch | 07/2006/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 02/8/2006 | hướng dẫn thực hiện Quyết định số 83/2006/QĐ-TTg ngày 17/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề khí tượng thủy văn thuộc ngành tài nguyên và môi trường | 03/9/2006 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 380 | Quyết định | 18/2006/QĐ-BTNMT ngày 20/11/2006 | ban hành Mã luật Khí tượng thủy văn bề mặt | Ngày 01/01/2007 | Hết hiệu lực ngày 14/02/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 17/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 ban hành Mã luật Khí tượng nông nghiệp |
| 381 | Thông tư | 10/2006/TT-BTNMT ngày 12/12/2006 | hướng dẫn xây dựng dự án cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto | 14/01/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 10/9/2010 bị thay thế bởi Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26/7/2010 quy định việc xây dựng, cấp thư xác nhận, cấp thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto |
| 382 | Quyết định | 21/2006/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2006 | ban hành quy phạm quan trắc hải văn ven bờ | 01/01/2007 | |
| 383 | Thông tư | 11/2006/TT-BTNMT ngày 20/12/2006 | hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ | 04/01/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | Hết hiệu lực ngày 15/10/2011 bị thay thế bởi Thông tư số 35/2011/TT-BTNMT ngày 31/8/2011 quy định chi tiết thực hiện quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ |
| 384 | Quyết định | 24/2006/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2006 | ban hành quy phạm lưu trữ tư liệu khí tượng thủy văn | 01/02/2007 | |
| 385 | Quyết định | 02/2007/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2007 | đính chính quy phạm Lưu trữ tư liệu khí tượng thủy văn ban hành kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2006 | 25/01/2007 | |
| 386 | Quyết định | 15/2007/QĐ-BTNMT ngày 01/10/2007 | Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn | 29/10/2007 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 387 | Thông tư | 11/2007/TT-BTNMT ngày 25/12/2007 | Hướng dẫn cấp phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng | 19/01/2008 | |
| 388 | Thông tư liên tịch | 58/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 04/7/2008 | hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch | 04/8/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 29/01/2011 bởi Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 04/7/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch |
| 389 | Quyết định | 09/2008/QĐ-BTNMT ngày 27/11/2008 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật mạng lưới trạm khí tượng thủy văn | 31/12/2008 | |
| 390 | Quyết định | 17/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 | ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí tượng thủy văn | 14/02/2009 (sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 391 | Quyết định | 18/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 | ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo lũ | 27/02/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 392 | Thông tư liên tịch | 18/2009/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 21/10/2009 | hướng dẫn thực hiện Quyết định số 78/2009/QĐ-TTg ngày 15/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ | 01/12/2009 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, viên chức khí tượng thủy văn thuộc ngành tài nguyên và môi trường | | |
| 393 | Thông tư | 24/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 | quy định về định mức diện tích xây dựng các trạm Khí tượng Thủy văn | 01/01/2010 | |
| 394 | Thông tư liên tịch | 07/2010/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 15/3/2010 | hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2009 - 2015 | 29/4/2010 | |
| 395 | Thông tư | 12/2010/TT-BTNMT ngày 26/7/2010 | quy định việc xây dựng, cấp thư xác nhận, cấp thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto | 10/9/2010 | Hết hiệu lực ngày 07/5/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24/3/2014 quy định việc xây dựng cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto |
| 396 | Thông tư | 14/2010/TT-BTNMT ngày 29/7/2010 | quy định về quy trình dự báo lũ | 15/9/2010 | |
| 397 | Thông tư | 15/2010/TT-BTNMT ngày 30/7/2010 | quy định về quy trình dự báo áp thấp nhiệt đới, bão | 15/9/2010 | |
| 398 | Thông tư liên tịch | 204/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/12/2010 | sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 | 29/01/2011 (sau 45 ngày kể từ ngày ký) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch | | |
| 399 | Thông tư | 10/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 | sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2006/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ | 10/6/2011 | Hết hiệu lực ngày 15/10/2011 bị thay thế bởi Thông tư số 35/2011/TT-BTNMT ngày 31/8/2011 quy định chi tiết thực hiện quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ |
| 400 | Thông tư | 11/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 | sửa đổi, bổ sung Quy chế giao nộp, lưu trữ, bảo quản, khai thác tư liệu khí tượng thủy văn; Quy chế quản lý chất lượng phương tiện đo chuyên ngành khí tượng thủy văn | 10/6/2011 | |
| 401 | Thông tư | 15/2011/TT-BTNMT ngày 28/4/2011 | sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Thông tư số 12/2010/ TT-BTNMT ngày 26/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, cấp thư xác nhận, cấp thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto | 27/6/2011 | Hết hiệu lực ngày 07/5/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT 24/3/2014 quy định việc xây dựng cấp Thư xác nhận, cấp Thư phê duyệt dự án theo Cơ chế phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 402 | Thông tư | 35/2011/TT-BTNMT ngày 31/8/2011 | quy định chi tiết thực hiện quy chế báo áp thấp nhiệt đới bão lũ | 15/10/2011 | Hết hiệu lực một phần ngày 20/6/2013 bởi Thông tư số 05/2013/TT-BTNMT ngày 26/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BTNMT ngày 31/8/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thực hiện quy chế báo áp thấp nhiệt đới bão lũ |
| 403 | Thông tư liên tịch | 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 | quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn | 01/01/2012 | |
| 404 | Thông tư | 25/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 | ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc khí tượng | 18/02/2013 | |
| 405 | Thông tư | 26/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 | ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn | 18/02/2013 | |
| 406 | Thông tư liên tịch | 03/2013/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 20/4/2013 | hướng dẫn cơ chế quản lý nguồn vốn Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu | 20/4/2013 | |
| 407 | Thông tư | 05/2013/TT-BTNMT ngày 26/4/2013 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BTNMT ngày 31/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thực hiện Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ | 20/6/2013 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 408 | Thông tư | 39/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tư liệu khí tượng thủy văn | 15/12/2013 | |
| 409 | Thông tư | 40/2013/TT-BTNMT ngày 10/11/2013 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn | 25/12/2013 | |
| 410 | Thông tư | 51/2013/TT-BTNMT ngày 26/12/2013 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác điều tra lũ | 15/02/2014 | |
| 411 | Thông tư | 58/2013/TT-BTNMT ngày 31/12/2013 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hệ thống thông tin chuyên ngành khí tượng thủy văn phục vụ dự báo | 14/02/2014 | |
| **VI** | **LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 412 | Nghị định | 32-CP ngày 09/3/1965 | về việc "giữ gìn bí mật các tài liệu đo đạc đại địa, địa hình và bản đồ địa hình" | | Hết hiệu lực ngày 14/11/1990 bị thay thế bởi Nghị định số 404-HĐBT ngày 14/11/1990 ban hành quy định giữ gìn bí mật tài liệu trắc địa và bản đồ địa hình |
| 413 | Nghị định | 404-HĐBT ngày 14/11/1990 | ban hành quy định giữ gìn bí mật tài liệu trắc địa và bản đồ địa hình | 14/11/1990 | Hết hiệu lực ngày 06/02/2002 bị bãi bỏ bởi Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2012 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ |
| 414 | Nghị định | 119/CP ngày 16/9/1994 | về việc quản lý, sử dụng hồ sơ địa giới, bản đồ địa giới và mốc địa giới hành chính các cấp | 16/9/1994 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 415 | Quyết định | 83/2000/QĐ-TTg ngày 12/7/2000 | về sử dụng Hệ quy chế và Hệ tọa độ quốc gia Việt Nam | 11/8/2000 (sau 30 ngày kể từ ngày ký) | |
| 416 | Nghị định | 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 | về hoạt động đo đạc và bản đồ | 06/02/2002 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | |
| 417 | Quyết định | 33/2008/QĐ-TTg ngày 27/02/2008 | phê duyệt chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ Việt Nam đến năm 2020 | 18/3/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 418 | Quyết định | 81/2010/QĐ-TTg ngày 13/12/2010 | quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia | 15/02/2011 | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 419 | Quy phạm | năm 1976 | quy phạm Tam giác nhà nước hạng I, II, III và IV | | Hết hiệu lực ngày 01/01/2010 bị thay thế bởi Thông tư số 06/2009/TT-BTNMT ngày 18/6/2009 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ |
| 420 | Quyết định | số 112/KT ngày 15/5/1989 | ban hành "Quy phạm xây dựng lưới độ cao Nhà nước hạng 1, 2, 3 và 4" | | Hết hiệu lực ngày 20/01/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 11/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao" |
| 421 | Quyết định | 112/KT ngày 15/5/1989 | ban hành quy phạm hiện chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000 - 1/50.000 | | Hết hiệu lực một phần ngày 20/6/2012 bị thay thế bởi Thông tư số 05/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 quy định kỹ thuật hiện chỉnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 bằng ảnh vệ tinh |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 422 | Thông tư | 03/TT-LN ngày 17/9/1992 | hướng dẫn về việc tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ địa giới hành chính các cấp | | Hết hiệu lực ngày 22/01/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 12/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân định địa giới hành chính và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp |
| 423 | Quyết định | 77/QĐKT ngày 12/5/1993 | ban hành "Quy định kỹ thuật thành lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính các cấp" | | Hết hiệu lực ngày 22/01/2009 bị thay thế bởi Quyết định số 12/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân định địa giới hành chính và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp |
| 424 | TT | 28/TCCP-ĐP ngày 17/3/1995 | hướng dẫn việc thực hiện Nghị định số 119/CP ngày 16/9/1994 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng hồ sơ ĐGHC, bản đồ địa giới và mốc ĐGHC các cấp | | |
| 425 | Quyết định | 656/QĐ-ĐC ngày 04/11/1997 | về việc ban hành "Quy chế đăng ký và hoạt động hành nghề đo đạc - bản đồ" | | Hết hiệu lực ngày 27/5/2004 bị thay thế bởi Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2004 ban hành Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ |
| 426 | TT | 109/1998/TT-TCCP ngày 28/5/1998 | sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/TCCP-ĐP ngày 17/3/1995 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ | 12/6/1998 | |
| 427 | Thông tư | 973/2001/TT-TCĐC ngày 20/6/2001 | hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 | 05/7/2001 (sau 15 ngày kể từ ngày ký) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 428 | Quyết định | 308/QĐ-TCĐC ngày 25/7/2002 | ban hành Quy trình hiện chỉnh bản đồ địa hình bằng ảnh vệ tinh | | Hết hiệu lực ngày 20/6/2012 (Quy trình hiện chỉnh bản đồ địa hình bằng ảnh vệ tinh, ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-TCĐC ngày 25/7/2002 bị thay thế bởi Thông tư số 05/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 quy định kỹ thuật hiện chỉnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 bằng ảnh vệ tinh) |
| 429 | Quyết định | 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2004 | ban hành Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ | 27/5/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 22/01/2011 bị thay thế bởi Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT 08/10/2010 quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ |
| 430 | Thông tư liên tịch | 06/2005/TTLT-BTNMT-BQP-BCA-BBCVT ngày 13/10/2005 | hướng dẫn quản lý công tác bay chụp ảnh mặt đất từ máy bay và thu, truyền, phát dữ liệu đo đạc, bản đồ, không ảnh | 18/11/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 431 | Quyết định | 15/2005/QĐ-BTNMT ngày 13/12/2005 | quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10000, 1:25000 và 1:50000 bằng công nghệ ảnh số | 17/01/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 432 | Quyết định | 16/2005/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2005 | ban hành quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc | 17/01/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 433 | Quyết định | 17/2005/QĐ-BTNMT ngày 21/12/2005 | quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 bằng công nghệ ảnh số | 31/01/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 434 | Thông tư liên tịch | 03/2006/TTLT-BTNMT-BVHTT ngày 15/3/2006 | hướng dẫn quản lý hoạt động xuất bản bản đồ | 01/5/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 435 | Quyết định | 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2006 | ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ | 03/7/2006 | Hết hiệu lực ngày 06/02/2013 bị thay thế bởi Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT 19/12/2012 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ |
| 436 | Thông tư liên tịch | 06/2006/TTLT-BTNMT-BNV-BNG-BQP ngày 13/6/2006 | hướng dẫn quản lý công tác đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính và biên giới quốc gia | 16/7/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 437 | Quyết định | 09/2006/QĐ-BTNMT ngày 16/8/2006 | ban hành quy phạm thành lập và chế in bản đồ địa hình tỷ lệ 1:250000, 1:500000 và 1:1000000 | 01/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 438 | Quyết định | 11/2006/QĐ-BTNMT ngày 22/8/2006 | ban hành Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:250000, 1:500000 và 1:1000000 | 01/10/2006 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | . |
| 439 | Quyết định | 19/2006/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2006 | ban hành danh mục địa danh các đơn vị hành chính Việt Nam thể hiện trên bản đồ | 16/3/2007 | |
| 440 | Quyết định | 01/2007/QĐ-BTNMT ngày 23/01/2007 | sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường | 23/2/2007 | Hết hiệu lực ngày 06/02/2013 do Quyết định số 05/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ đã được thay thế bằng Thông tư |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ |
| 441 | Thông tư | 02/2007/TT-BTNMT ngày 12/02/2007 | hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ | 08/4/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 442 | Quyết định | 03/2007/QĐ-BTNMT ngày 12/02/2007 | quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:50.000 | 06/4/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 443 | Thông tư | 03/2007/TT-BTNMT ngày 15/02/2007 | hướng dẫn quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ | 06/4/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 444 | Quyết định | 04/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 | ban hành quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ | 06/4/2007 | |
| 445 | Quyết định | 05/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 | về sử dụng hệ thống tham số tính chuyển giữa Hệ tọa độ quốc tế WGS-84 và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 | 29/4/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 446 | Quyết định | 06/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 | về việc ban hành quy định áp dụng chuẩn thông tin địa lý cơ sở quốc gia | 21/6/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 04/5/2012 bị thay thế bởi Thông tư số 02/2012/TT-BTNMT ngày 19/3/2012 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 447 | Quyết định | 08/2007/QĐ-BTNMT ngày 14/5/2007 | đính chính quy định áp dụng chuẩn thông tin địa lý cơ sở quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường | 21/6/2007 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 04/5/2012 bị thay thế bởi Thông tư số 02/2012/TT-BTNMT ngày 19/3/2012 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở |
| 448 | Quyết định | 24/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 | ban hành Danh mục địa danh quốc tế thể hiện trên bản đồ | 10/02/2008 (sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 449 | Thông tư | 01/2008/QĐ-BTNMT ngày 05/3/2008 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hiện chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000 bằng ảnh vệ tinh | 31/3/2008 | Hết hiệu lực ngày 06/02/2013 bị thay thế bởi Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT 19/12/2012 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ |
| 450 | Quyết định | 05/2008/QĐ-BTNMT ngày 26/8/2008 | sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định áp dụng chuẩn thông tin địa lý cơ sở quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2007 và Quyết định số 08/2007/QĐ-BTNMT ngày 14/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường | 28/9/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 04/5/2012 bị thay thế bởi Thông tư số 02/2012/TT-BTNMT ngày 19/3/2012 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở |
| 451 | Quyết định | 11/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 | quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao (QCVN 11:2008/BTNMT) | 20/01/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 452 | Quyết định | 12/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 | ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân định địa giới hành chính và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp | 22/01/2009 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 453 | Quyết định | 2826/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý | | Hết hiệu lực ngày 06/01/2012 bị thay thế bởi Thông tư số 40/2011/TT-BTNMT ngày 22/11/2011 quy định về định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý |
| 454 | Thông tư | 01/2009/TT-BTNMT ngày 14/01/2009 | quy định về quy phạm xây dựng lưới trọng lực quốc gia | | |
| 455 | Thông tư | 03/2009/TT-BTNMT ngày 23/3/2009 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật phân định địa giới hành chính và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp | 07/5/2009 | |
| 456 | Thông tư | 06/2009/TT-BTNMT ngày 18/6/2009 | quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ | 01/01/2010 | |
| 457 | Thông tư | 23/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm tra nghiệm thu sản phẩm đo đạc bản đồ | 01/01/2010 | |
| 458 | Thông tư | 27/2009/TT-BTNMT ngày 14/12/2009 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý và cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ | 01/02/2010 | |
| 459 | Thông tư | 09/2010/TT-BTNMT ngày 01/7/2010 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia | 15/8/2010 | |
| 460 | Thông tư | 24/2010/TT-BTNMT ngày 27/10/2010 | quy định về đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển bằng máy đo sâu hồi âm đa tia | 01/11/2011 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 461 | Thông tư | 32/2010/TT-BTNMT ngày 08/12/2010 | quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ | 22/01/2011 | Hết hiệu lực một phần ngày 30/5/2011 bởi Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT ngày 15/4/2011 sửa đổi Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ |
| 462 | Thông tư | 14/2011/TT-BTNMT ngày 15/4/2011 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ | 30/5/2011 | |
| 463 | Thông tư | 23/2011/TT-BTNMT ngày 06/7/2011 | ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ | 10/01/2012 | |
| 464 | Thông tư | 34/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1: 100.000 bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp | 15/9/2011 | |
| 465 | Thông tư | 37/2011/TT-BTNMT ngày 14/10/2011 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật thành lập bản đồ chuyên đề tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000 bằng tư liệu ảnh vệ tinh | 30/11/2011 | |
| 466 | Thông tư | 40/2011/TT-BTNMT ngày 22/11/2011 | quy định về định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý | 06/01/2012 | |
| 467 | Thông tư | 02/2012/TT-BTNMT ngày 19/3/2012 | quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở | 04/5/2012 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 468 | Thông tư | 05/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 | quy định kỹ thuật hiện chỉnh bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 bằng ảnh vệ tinh | 20/6/2012 | |
| 469 | Thông tư | 06/2012/TT-BTNMT ngày 01/6/2012 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin địa danh Việt Nam và nước ngoài phục vụ công tác lập bản đồ | 16/7/2012 | |
| 470 | Thông tư | 08/2012/TT-BTNMT ngày 08/8/2012 | quy định kỹ thuật về đo trọng lực chi tiết | 24/9/2012 | |
| 471 | Thông tư | 20/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ | 06/02/2013 | |
| 472 | Thông tư | 10/2013/TT-BTNMT ngày 28/5/2013 | quy định kỹ thuật về cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:2000, 1:5000 và 1:10000 | 15/7/2013 | |
| 473 | Thông tư | 20/2013/TT-BTNMT ngày 01/8/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Phú Thọ | 16/9/2013 | |
| 474 | Thông tư | 21/2013/TT-BTNMT ngày 01/8/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hà Giang | 15/9/2013 | |
| 475 | Thông tư | 22/2013/TT-BTNMT ngày 03/9/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Tuyên Quang | 21/10/2013 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 476 | Thông tư | 23/2013/TT-BTNMT ngày 03/9/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn | 21/10/2013 | |
| 477 | Thông tư | 24/2013/TT-BTNMT ngày 03/9/2013 | ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo trọng lực chi tiết | 21/10/2013 | |
| 478 | Thông tư | 25/2013/TT-BTNMT ngày 12/9/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng | 28/10/2013 | |
| 479 | Thông tư | 35/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Quảng Ninh | 15/12/2013 | |
| 480 | Thông tư | 36/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lào Cai | 15/12/2013 | |
| 481 | Thông tư | 37/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên | 15/12/2013 | |
| 482 | Thông tư | 38/2013/TT-BTNMT ngày 30/10/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn | 15/12/2013 | |
| 483 | Thông tư | 44/2013/TT-BTNMT ngày 26/12/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu | 11/02/2014 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 484 | Thông tư | 45/2013/TT-BTNMT ngày 26/12/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La | 11/02/2014 | |
| 485 | Thông tư | 46/2013/TT-BTNMT ngày 26/12/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hòa Bình | 11/02/2014 | |
| 486 | Thông tư | 47/2013/TT-BTNMT ngày 26/12/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên | 11/02/2014 | |
| 487 | Thông tư | 48/2013/TT-BTNMT ngày 26/12/2013 | ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Yên Bái | 11/02/2014 | |
| **VII** | **LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 488 | Quyết định | 103/2005/QĐ-TTg ngày 12/5/2005 | ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu | 08/6/2005 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/3/2013 bị thay thế bởi Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 về Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu |
| 489 | Quyết định | 47/2006/QĐ-TTg ngày 01/3/2006 | phê duyệt đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên môi trường biển đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 | 25/3/2006 | |
| 490 | Quyết định | 116/2008/QĐ-TTg ngày 27/8/2008 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam | 26/9/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 491 | Quyết định | 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 | ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu | 01/3/2013 | |
| 492 | Quyết định | 23/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 | ban hành Quy chế phối hợp quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo | 15/6/2013 | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 493 | Thông tư liên tịch | 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2003 | hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương | 12/8/2003 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 17/8/2008 bị thay thế bởi Thông tư liên tịch số 01/2003/ TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2003 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương |
| 494 | Thông tư liên tịch | 01/2007/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 26/01/2007 | hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi các dự án thuộc đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 | 08/3/2007 | |
| 495 | Thông tư liên tịch | 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2008 | hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp | 17/8/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực một phần ngày 20/12/2010 bởi Thông tư liên tịch số 26/2010/ TTLT-BTNMT-BNV ngày 05/11/2010 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Chi cục Biển và Hải đảo trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 496 | Thông tư | 33/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 | quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật tầu nghiên cứu biển | 15/02/2010 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 497 | Thông tư | 22/2010/TT-BTNMT ngày 26/10/2010 | quy định kỹ thuật khảo sát điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường biển bằng tàu biển | 01/01/2011 | |
| 498 | Thông tư | 23/2010/TT-BTNMT ngày 26/10/2010 | quy định về điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo | 01/01/2011 | |
| 499 | Thông tư | 24/2010/TT-BTNMT ngày 27/10/2010 | quy định về đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển bằng máy đo sâu hồi âm đa tia | 01/01/2011 | |
| 500 | Thông tư | 25/2010/TT-BTNMT ngày 27/10/2010 | quy định kỹ thuật cho 11 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo | 01/01/2011 | |
| 501 | Thông tư liên tịch | 26/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 05/11/2010 | hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Chi cục Biển và Hải đảo trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường | 20/12/2010 (sau 45 ngày kể từ ngày ký) | |
| 502 | Thông tư | 34/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo | 01/02/2011 | |
| 503 | Thông tư | 35/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển bằng máy đo sâu hồi âm đa tia | Ngày 15/02/2011 | Hết hiệu lực ngày 06/02/2013 bị thay thế bởi Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT 19/12/2012 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ |
| 504 | Thông tư | 36/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra khảo sát, đánh giá hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái cỏ biển và đất ngập nước vùng ven biển và hải đảo | 15/02/2011 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 505 | Thông tư | 37/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật cho 10 công tác điều tra địa chất khoáng sản biển và hải đảo | 15/02/2011 | |
| 506 | Thông tư | 38/2010/TT-BTNMT ngày 14/12/2010 | quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật khảo sát điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường biển bằng tàu biển | 15/02/2011 | |
| 507 | Thông tư | 40/2010/TT-BTNMT ngày 24/12/2010 | quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo | 15/02/2011 | |
| 508 | Thông tư | 19/2011/TT-BTNMT ngày 10/6/2011 | quy định về Quy định kỹ thuật về lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo | 01/8/2011 | |
| 509 | Thông tư | 27/2011/TT-BTNMT ngày 20/7/2011 | quy định về kiểm nghiệm và hiệu chỉnh một số thiết bị đo đạc bản đồ biển | 05/9/2011 | |
| 510 | Thông tư | 34/2011/TT-BTNMT ngày 01/8/2011 | quy định về Quy định kỹ thuật thành lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1:100.000 bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp | 15/9/2011 | |
| 511 | Thông tư | 41/2011/TT-BTNMT ngày 30/11/2011 | quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường biển, hải đảo | 16/01/2012 | |
| 512 | Thông tư | 22/2012/TT-BTNMT ngày 26/12/2012 | quy định việc lập và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển | 18/02/2013 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 513 | Thông tư | 28/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 | quy định về nội dung, chế độ báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo | 18/02/2013 | |
| 514 | Thông tư | 56/2013/TT-BTNMT ngày 31/12/2013 | quy định kỹ thuật đo từ biển theo tàu | 01/3/2014 | |
| **VIII** | **LĨNH VỰC KHÁC** | | | | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Chính phủ** | | | | |
| 515 | Quyết định | 179/2004/QĐ-TTg ngày 06/10/2004 | chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 | 29/10/2004 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | |
| 516 | Nghị định | 34/CP ngày 23/4/1994 | về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Địa chính | | Hết hiệu lực ngày 11/11/2002 bị bãi bỏ bởi Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 517 | Nghị định | 62/CP ngày 11/7/1994 | về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Khí tượng Thủy văn | | Hết hiệu lực ngày 11/11/2002 bị bãi bỏ bởi Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 518 | Nghị định | 91/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 11/11/2002 | Hết hiệu lực ngày 02/4/2008 bị thay thế bởi Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04/3/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 519 | Nghị định | 65/2006/NĐ-CP ngày 23/6/2006 | về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường | 20/7/2006 | Hết hiệu lực ngày 23/5/2009 bị thay thế bởi Nghị định số 35/2009/NĐ-CP ngày 07/4/2009 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường |
| 520 | Nghị định | 25/2008/NĐ-CP ngày 04/3/2008 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 02/4/2008 (sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo) | Hết hiệu lực ngày 01/05/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 521 | Nghị quyết liên tịch | 03/2008/NQLT-TUĐTN-BTNMT ngày 08/12/2008 | về việc phối hợp hành động trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường giai đoạn 2008 - 2012 | 06/5/2009 | |
| 522 | Nghị định | 35/2009/NĐ-CP ngày 07/4/2009 | về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường | 23/5/2009 | |
| 523 | Nghị định | 19/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 | sửa đổi, bổ sung các Điểm c, d, g, h và i Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 01/5/2010 | Hết hiệu lực ngày 01/5/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 524 | Nghị định | 89/2010/NĐ-CP ngày 16/8/2010 | sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 02/10/2010 | Hết hiệu lực ngày 01/5/2013 bị thay thế bởi Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 525 | Nghị định | 21/2013/NĐ-CP ngày 04/3/2013 | quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 01/05/2013 | |
| | **Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng** | | | | |
| 526 | Quyết định | 01/2003/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2003 | về việc ban hành Quy chế soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài nguyên và Môi trường | | Hết hiệu lực ngày 04/01/2008 bị thay thế bởi Quyết định số 21/2007/QĐ-BTNMT ngày 10/12/2007 ban hành quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường |
| 527 | Quyết định | 16/2007/QĐ-BTNMT ngày 01/10/2007 | ban hành quy chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường | 31/10/2007 | |
| 528 | Thông tư liên tịch | 04/2007/TTLT-BNV-BTC-BTNMT-BLĐTBXH ngày 22/10/2007 | hướng dẫn thực hiện chế độ ăn định lượng và chế độ thiếu nước ngọt đối với công nhân, viên chức làm nhiệm vụ trên biển trong các đơn vị sự nghiệp thuộc các ngành địa chính, địa chất và khí tượng thủy văn | 16/11/2007 | |
| 529 | Quyết định | 18/2007/QĐ-BTNMT ngày 05/11/2007 | ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường | 05/12/2007 | Hết hiệu lực ngày 25/11/2013 bị thay thế bởi Thông tư số 29/2013/TT-BTNMT ngày 09/10/2013 ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường |
| 530 | Quyết định | 21/2007/QĐ-BTNMT ngày 10/12/2007 | ban hành quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường | 04/01/2008 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 531 | Thông tư liên tịch | 70/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 24/7/2008 | hướng dẫn kinh phí hoạt động của tổ chức, bộ phận chuyên môn, cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường và kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước | 29/8/2008 | |
| 532 | Thông tư liên tịch | 02/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 05/6/2008 | hướng dẫn chế độ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành tài nguyên và môi trường | 10/7/2008 | |
| 533 | Quyết định | 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2008 | ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường | 05/11/2008 | |
| 534 | Thông tư | 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 | quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường | 01/9/2009 | |
| 535 | Thông tư | 12/2009/TT-BTNMT ngày 17/8/2009 | quy định xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp tài nguyên và môi trường" | 07/10/2009 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 536 | Thông tư | 28/2009/TT-BTNMT ngày 22/12/2009 | quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của thanh tra viên, cán bộ, công chức thuộc cơ quan thanh tra tài nguyên và môi trường | 05/02/2010 | Hết hiệu lực ngày 28/02/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 01/2014/TT-BTNMT ngày 14/01/2014 quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của thanh tra viên, cán bộ, công chức thuộc cơ quan thanh tra tài nguyên và môi trường |
| 537 | Thông tư | 30/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 | quy định về quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường | 17/02/2010 | Hết hiệu lực ngày 15/7/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường |
| 538 | Thông tư | 29/2010/TT-BTNMT ngày 22/11/2010 | quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 01/02/2011 | |
| 539 | Thông tư liên tịch | 30/2010/BTNMT-BNV ngày 25/11/2010 | quy định về việc chuyển xếp ngạch và chuyển xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường | 10/01/2011 | |
| 540 | Thông tư | 01/2011/TT-BTNMT ngày 21/01/2011 | bổ sung Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường | 08/3/2011 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 541 | Thông tư liên tịch | 07/2011/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30/01/2011 | hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của trung tâm công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường | 15/3/2011 | |
| 542 | Thông tư | 08/2011/TT-BTNMT ngày 28/3/2011 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường | 11/5/2011 | Hết hiệu lực ngày 15/7/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường |
| 543 | Thông tư | 25/2011/TT-BTNMT ngày 07/7/2011 | ban hành quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 20/8/2011 | |
| 544 | Thông tư | 38//2011/TT-BTNMT ngày 20/10/2011 | hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng trong ngành tài nguyên và môi trường | 05/12/2011 | |
| 545 | Thông tư | 12/2012/TT-BTNMT ngày 30/10/2012 | sửa đổi một số quy định của quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 14/12/2012 | Hết hiệu lực ngày 15/7/2014 bị thay thế bởi Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường |
| 546 | Thông tư | 13/2012/TT-BTNMT ngày 07/11/2012 | ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của Dioxin trong một số loại đất" | 25/12/2012 | |

| TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 547 | Thông tư | 29/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012 | quy định phương tiện, thiết bị kỹ thuật của Thanh tra tài nguyên và môi trường | 18/02/2013 | |
| 548 | Thông tư | 11/2013/TT-BTNMT ngày 28/5/2013 | ban hành quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường | 15/7/2013 | |
| 549 | Thông tư liên tịch | 15/2013/TTLT-BTP-BGTVT-BTNMT-BCA ngày 05/11/2013 | hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin về tài sản bảo đảm giữa cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm với tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản | 25/02/2014 | |
| 550 | Thông tư | 29/2013/TT-BTNMT ngày 09/10/2013 | ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường | 25/11/2013 | |
| **Tổng số: 550 văn bản** | | | | | |

(Xem tiếp Công báo số 669 + 670)

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng